

# GIẢNG DẠY LỊCH SỬ ĐỊA PHƯƠNG BÌNH DƯƠNG QUA ĐỊA DANH

- TRẦN HẠNH MINH PHƯƠNG (\*)

Đặt tên để xác định và phân biệt các địa điểm là một nhu cầu cơ bản giống như việc đặt tên người và đồ vật xung quanh con người (Karen Ann Heikkila, 2007: 1) nên “có con người, có ngôn ngữ là có địa danh, địa danh xuất hiện từ thời thượng cổ, bất chấp có chữ viết, có nhà nước hay chưa” (Cao Chư, 2017: 68). Nhóm cư dân đến khai phá một vùng đất hoang, các con sông, con suối, khu đất, con dốc, khúc cua, vùng gò... đều chưa có tên, con người cần đặt tên để định danh và cá biệt hoá chúng. Địa danh ra đời trong những điều kiện lịch sử, địa lý nhất định nên phần lớn địa danh mang dấu ấn của môi trường và thời đại chúng được tạo nên. Địa danh được xem như là “vật hóa thạch” (Roasting, 1965:6), “đài kỷ niệm” (Lê Trung Hoa, 2011:185) qua địa danh có thể hiểu được lịch sử đất và người nơi ấy. Tham khảo *Chương trình Lịch sử địa phương tỉnh Bình Dương*<sup>1</sup> và kế thừa nguồn dữ liệu 3.462 mục từ và 4.155 tiểu loại địa danh của đề tài *Nghiên cứu địa danh trên địa bàn tỉnh Bình Dương* (do TS. Huỳnh Ngọc Đáng làm chủ nhiệm), bài viết này đề cập đến tiềm năng của địa danh Bình Dương như một công cụ giảng dạy lịch sử địa phương và gợi ý *những bài học lịch sử* có thể dạy cho học sinh thông qua địa danh ở Bình Dương là: (1) tiến trình lịch sử, sự kiện và nhân vật lịch sử; (2) lịch sử đời sống xã hội của cư dân Bình Dương.

## Dạy tiến trình lịch sử qua địa danh

Sự mất đi hay xuất hiện một địa danh đều có liên quan đến một sự việc, hiện tượng hay sự kiện nào đó. Từ nguyên, nguồn gốc và ý nghĩa của địa danh phản ánh thời kỳ lịch sử mà nó ra đời, do đó học tiến trình

lịch sử Bình Dương thông qua địa danh sẽ dễ hiểu và dễ nhớ. Tiến trình lịch sử Bình Dương gồm năm giai đoạn: thời kỳ khẩn hoang lập làng (cuối thế kỷ XVII), thời kỳ chúa Nguyễn và triều Nguyễn (1698 -1862), thời kỳ Pháp thuộc (1862 -1954), thời Việt Nam Cộng hòa (1954-1975) và từ sau năm 1975 đến nay.

Cuối thế kỷ XVII, đầu thế kỷ XVIII, vùng đất Bình Dương vẫn còn hoang vu, các nhóm di dân miền Trung đến khai hoang, lập làng và sinh sống trước khi có sự hiện diện của chính quyền trung ương. Và có lẽ đó là lý do những địa danh ra đời trong thời kỳ này phần lớn là từ thuần Việt do dân gian đặt (?). Khởi đầu là những địa danh chỉ một vùng rộng lớn với từ “xứ” như *xứ Lái Thiêu, xứ Suối Sâu, xứ Cây Me, xứ Cầu Kè, xứ Ghe Tám* chưa có tổ chức hành chính của triều đình.

Buổi đầu định cư ở vùng đất còn hoang sơ, con người sống gần gũi với môi trường tự nhiên có các loài động, thực vật rất đa dạng và phong phú, đã khắc sâu vào tâm trí con người và chúng đã trở thành địa danh được đặt theo cách phi quan phương, do dân gian và phổ biến trong dân gian không tuân thủ theo nguyên tắc nào, “*thấy ứng và hợp lý thì gọi thôi*” (cách người dân nói). Các địa danh mang tên thú lớn, và cây cỏ thụ hay loài cỏ dại như (*xóm*) Bàu Gấu, (*hang*) Cọp, (*suối*) Voi; (*hang*) Nai hay: (*Mọi*) Cây Cám; (*gò*) Cây Gõ, (*gò mã*) Cây Vừng, (*xóm*) Cây Cây, (*đồng, xóm mọi*) Cây Quéo, (*ấp*) Cây É, Cây Chai, (*cua*) Cây Da, (*đồng*) Cây Dâu, (*đập*) Cây Dừng, (*bến*) Tranh... giúp học sinh liên tưởng đến những khu rừng nguyên sinh con người chưa khai phá hết.

(\*) Tiến sĩ, Trường Đại học Thủ Dầu Một - Email: thmpuongkhhx@gmail.com

1. Sử dụng trong các trường Tiểu học tỉnh Bình Dương, gồm ba phần: (1) Tìm hiểu Lịch sử Bình Dương; (2) Những danh nhân làm rạng danh Bình Dương; (3) Bình Dương – mảnh đất giàu truyền thống văn hoá.

Sự chuyển đổi từ vùng đất chưa có sự hiện diện chính quyền Trung ương đến khi nhà nước chính thức đặt đơn vị hành chính các cấp, địa danh thay đổi rất nhiều về từ nguyên, nguồn gốc và ý nghĩa bởi “việc đặt tên đất khẳng định sự hiện diện, biểu thị sự chiếm hữu, tuyên bố quyền lực” (Ricky Prebble, 2023). Từ năm 1698, Chúa Nguyễn chính thức xác lập chủ quyền ở vùng đất Nam bộ, Nguyễn Hữu Cảnh được chúa Nguyễn Phúc Chu cử vào kinh lược xứ Đồng Nai, từng bước xác lập chủ quyền nhà Nguyễn ở phương Nam, xây dựng nên hệ thống đơn vị hành chính ở Nam bộ nói chung, trên địa bàn thuộc khu vực Bình Dương ngày nay nói riêng tương đối thống nhất và hoàn chỉnh, từ điểm, ấp, sóc, thôn, làng, xã, tổng, huyện, phủ, dinh, trấn (Trần Đức Thuận, 2023). Trong thời nhà Nguyễn, tên các đơn vị hành chính của Bình Dương đều dùng từ Hán Việt, nhất là từ sau cải cách hành chính của Minh Mạng, các tên gọi thuần Việt đều được cải thành tên gọi Hán Việt mang ý nghĩa tốt đẹp như: (*làng*) Vĩnh Phú (giàu có lâu dài); (*làng*) An Nghiệp (an yên và lạc nghiệp); Bình Sơn (thuộc An Sơn ngày nay); (*thôn*) An Thạnh (an bình và thịnh vượng), (*thôn*) Bình Đức (an bình và đức độ); (*thôn*) Bình Hòa (bình an và hòa thuận); (*thôn*) Phú Long (giàu có và hưng thịnh) nay thuộc địa bàn thành phố Thuận An; (*làng*) Phú Cường (giàu mạnh) thuộc địa bàn thành phố Thủ Dầu Một ngày nay; (*làng*) Phú Chánh (giàu có và chính trực)...

Như đã đề cập ở trên, khi một chính quyền mới lên thay chính quyền cũ đều sửa đổi đơn vị hành chính và địa danh để khẳng định sự hiện diện và tuyên bố quyền lực. Quá trình bình định và khai thác thuộc địa của Pháp ở Bình Dương (1859-1945) được thể hiện rõ qua những địa danh liên quan đến đồn bót, công trình công cộng, tên các ngạch quan người Việt làm việc trong bộ máy chính quyền thuộc địa, đồn điền cao su. Cụ thể:

*Vòng xoay Tua 18 thị uy<sup>2</sup>* là nơi từng có tháp canh (Tour) của quân Pháp tại vị trí trọng yếu, nút giao nhau giữa Quốc lộ 13 (Cách Mạng tháng Tám ngày nay) nối liền Thủ Dầu Một – Sài Gòn và đường dẫn vào cầu sắt Phú Long, cây cầu huyết mạch của tuyến đường sắt dài 141km Sài Gòn - Lộc Ninh. Tương tự, trên Quốc lộ 13, cách Tua 18 hơn 1km là của nghiêng *Tua 17* vì tại nơi này có tháp canh số 14 của Pháp; Hay (*bót*) Cây Chàm, (*bót*) Phú Hữu (phường Phú Mỹ); (*bót*) Hào Tỵ (phường Phú Cường).

Học sinh sẽ dễ hiểu và dễ nhớ quá trình và tính chất khai thác thuộc địa của chính quyền thực dân

Pháp nếu được tiếp cận với những địa danh công trình được xây dựng thời kỳ này, địa danh mang tên quan chức người Việt làm việc trong chính quyền thuộc địa, tên chủ đồn điền cao su người Pháp. Chẳng hạn: (*Cầu*) Kỹ Nghệ nằm trên đường Bạch Đằng (phường Phú Cường) được đặt theo tên trường Mỹ nghệ bản xứ Thủ Dầu Một (École d'art indigène de Thu Dau Mot). (*Cầu*) Xe Lửa bắc qua rạch Bưng Cái (khu phố 2, phường Hiệp Thành); (*Ga*) Phú Văn<sup>3</sup> (phường Phú Thọ) được xây dựng năm 1922, nằm trên tuyến đường sắt Sài Gòn – Thủ Dầu.

Từ năm 1900, tại Nam Kỳ, ngoài viên quan người Pháp đứng đầu tiểu khu hành chính còn có chức quan người Việt với chức danh là Đốc phủ sứ, Tri phủ hoặc Tri huyện tương đương cấp phủ, huyện, ông cả đó cũng là nguồn gốc của các địa danh: (*Gò*) Ông Đốc xưa thuộc làng Tương An, tổng Bình Thố, nay (năm 2020) thuộc khu phố 1, phường Tương Bình Hiệp, thành phố Thủ Dầu Một. Đốc có thể là một chức vụ (Đốc Phủ Sứ, Đốc học) (Văn Thị Thùy Trang, 2023). (*Ngã tư*) Cống Bà Phủ là điểm giao giữa quốc lộ 13, đường Ngô Quyền và đường nội bộ khu dân cư Kim Oanh, thuộc phường Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát. (*Đồi*) Ông Huyện gần núi Châu Thới, thuộc khu phố Châu Thới, phường Bình An, thành phố Dĩ. (*Mọi*) Ông Cà trên suối Long Đá xưa thuộc ấp Long Hội, nay một phần thuộc địa bàn khu phố Tân Hóa, phường Tân Vĩnh Hiệp, thị xã Tân Uyên. (*Rạch*) Cả Hào vốn nằm trên đất của ông hương Cả (Đại Hương Cả) - người đứng đầu Hội đồng hành chánh xã (ở vùng Đàng Trong từ đầu thế kỷ 17) tên Hào...

Người Pháp nhận thấy những điều kiện khí hậu nhiệt đới và chất đất đỏ, xám của miền Đông Nam bộ rất thích hợp với cây cao su, nên đã nhanh chóng trồng thử nghiệm cây cao su, và đã thành công. Theo đó, tư bản Pháp thành lập một số đồn điền cao su nên một số địa danh liên quan đến các đồn điền, xóm công nhân đồn điền cũng ra đời với tên người Pháp. Chẳng hạn:

(*Cua*) Đờ Quẹt nằm trên đường HL604, khu phố 1B, phường Chánh Phú Hòa, Bến Cát (nguyên bản tiếng Pháp là Diguët, là một họ rất phổ biến ở Pháp) là tên một đồn điền cao su. (*Xóm, ngã tư*) Ba Lăng Xi bắt nguồn từ tên gọi đồn điền cao su thuộc sở hữu của Chủ tịch Hội đồng thuộc địa Nam Kỳ và cũng là thị trường đầu tiên của Sài Gòn Paul Blanchy (1837 – 1901) (nay thuộc khu phố 2, phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát). (*Sở cao su*) Cuê thuộc địa bàn ấp Mỹ Đức và Chòi Dúng xã Bình Mỹ, huyện Bắc Tân Uyên vốn thuộc chủ tư bản người Pháp tên Cuê. (*Sở cao*

2. Ngày nay, vòng xoay này là nơi giao nhau giữa các đường 3/2, đường DT 745; đường Cách mạng tháng Tám, đường Phan Đình Phùng.

3. <https://doanhnhhanplus.vn/duong-xe-lua-sai-gon-loc-ninh-520537.html>

su) Đêrăng thuộc ấp Mỹ Đức, xã Bình Mỹ, huyện Bắc Tân Uyên (nay thuộc công ty cao su Phước Hoà).(Số cao su) Óttali thuộc địa bàn ấp Bình Cơ, xã Bình Mỹ, huyện Bắc Tân Uyên...

Thời kỳ Pháp thuộc còn có cách gọi tên các ấp mới được thành lập từ các xóm theo thứ tự: *ấp Nhất/ấp Chánh, ấp Nhì, ấp Ba, ấp Tư, ấp Năm*<sup>22</sup>.

Hai nhóm địa danh tiêu biểu ra đời thời Việt Nam Cộng hòa là tên giáo xứ và dinh điền. Tên giáo xứ “là từ Hán Việt, đậm đức tin Thiên chúa (có nguồn gốc từ các xứ đạo ở miền Bắc trước khi di cư vào Nam) tập trung nhiều ở xã Vĩnh Hòa, quận Phú Giáo, tỉnh Phước Thành (nay thuộc xã Vĩnh Hòa, huyện Phú Giáo) và xã Thái Hưng, quận Hiếu Liêm, tỉnh Phước Thành (nay là xã Lạc An, huyện Bắc Tân Uyên). Một số địa danh có nguồn gốc từ miền Bắc gắn với các nhà thờ được hình thành trong quá trình di dân của đồng bào Công giáo sau năm 1954 như: Cảnh Lâm, Mỹ Vân, Đan Trần, Lê Xá, Lục Điền, Hạ Lễ, Ngọc Đồng, Vông Phan (Hưng Yên), Thượng Phúc (Thái Bình), Tân Kim Bảng (Hà Nam Ninh)... Ngoài ra, có một số địa danh là tên các dinh điền như: An Linh 1, An Linh 2, An Linh 3, An Linh 4 (Kinh Nhượng), Lễ Trang, Mục Lân, Lễ Tấn, Suối Nước Trong, Bàu Cá Trê, Ích Tân, Hiếu Văn 1, Hiếu Văn 2, Văn Hạnh, Văn Hữu – Cầm Xe...; ấp chiến lược: Bàu Ao, Bến Tượng, Phú Chánh, Phước Tiến... (Đình Thanh Huy, 2023a). Được truyền thụ hai nhóm địa danh học sinh hiểu được sự kiện người Công giáo di cư từ Bắc vào Nam sau hiệp định Genève (năm 1954) và chính sách Dinh điền dưới thời Đệ nhất Việt Nam Cộng hòa (Tổng thống Ngô Đình Diệm) vốn không được đề cập trong chính sử.

Dạy gì và dạy như thế nào để trong một lượng thời gian hạn hữu học sinh có thể hiểu được quá trình xây dựng và phát triển Bình Dương từ sau 1975 đến nay luôn là câu hỏi cần được trả lời trong *chương trình giáo dục địa phương*. Dữ liệu địa danh gợi lên bài học lịch sử giai đoạn này là quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế của Bình Dương. Ngũ nguyên địa danh thời kỳ hiện đại mang tính hỗn hợp thuần Việt, Hán – Việt, chữ số, tên có yếu tố nước ngoài có nguồn gốc từ khu công nghiệp, khu dân cư. Chẳng hạn: (*ngã tư*) Kim Huy (xuất phát từ KCN Kim Huy), (*ngã tư*) Đại Đăng (KCN Đại Đăng) (*ngã ba*) khu công nghiệp Bình Đường (An Bình, Dĩ An). Gần Công ty Giày da Thái Bình có (*ngã tư*) giày da Thái Bình. Hay đường rẽ vào Công ty công ty TNHH Kin Sing do người Đài Loan làm chủ có (*ngã ba*) Đài Loan (Nguyễn Thị Lan, 2023). Các khu dân cư như: Như (*khu*) Tôn Hoa Sen, (*khu dân cư*) Acecook, An Phú Hưng, Kim Thuận Phát, Phú Hồng Thịnh, (*khu dân cư*) The Oasis, (*khu công nghiệp*) Việt-Sing. Hay các địa danh (*bùng binh*) 512 Giưỡng, (*khu dân cư*) Hiệp

Phát, Hiệp Thành I, II, III, (*vòng xoay*) Hiệp Thành III (phường Hiệp Thành), (*thành phố mới*) Bình Dương, (*ngã tư*) Mỹ Phước – Tân Vạn (phường Phú Lợi)... gắn với những công trình mới xây dựng trong những năm gần đây.

Dù là địa danh hành chính quan phương hay địa danh địa hình phi quan phương đều phản chiếu bối cảnh lịch sử mà nó ra đời nên học tiến trình lịch sử địa phương bằng chính các địa danh là bài học lịch sử trực quan sinh động nhất.

### Giảng dạy sự kiện và nhân vật lịch sử địa phương qua địa danh

Theo Ricky Prebble (2023) “Địa danh là một cách tuyệt vời để tìm hiểu về lịch sử. Những cái tên mang tính biểu tượng, những cái tên có thể làm sáng tỏ những chiến công vĩ đại, ghi nhớ những sự kiện kinh hoàng hoặc đơn giản là truyền tải những hành động trần tục. Những cái tên giúp chúng ta ghi nhớ và kết nối với văn hóa và di sản”. Hay “Địa danh ám chỉ con người và sự kiện trong quá khứ. Địa danh chứa thông tin lịch sử liên quan đến các địa điểm mọi người biết đến thông qua các sự kiện nhất định hoặc các hoạt động mà họ thường tham gia” (Karen Ann Heikkila 2007: tr.127). Dấu ấn hai cuộc kháng chiến chống Pháp, Mỹ gian lao và anh dũng của quân và dân Bình Dương còn lưu lại qua các địa danh liên quan đến các trận đánh, khu căn cứ hay nhân vật lịch sử chẳng hạn: (*ngã ba*) Trần Ngọc Lân, Huỳnh Văn Lũy, (*căn cứ*) Trương Bông Bông, (*Bàu*) Cây Trang, (*nhà tù*) Phú Lợi, (*cù lao*) Làng, (*điểm*) Xa Tăng Cháy...

(*Ngã ba*) Trần Ngọc Lân (thuộc khu phố 5, phường Định Hòa) được đặt theo tên Trần Ngọc Lân, sinh năm 1919, tại xã Bình Nhâm đã hy sinh khi làm nhiệm vụ khảo sát chiến trường ở địa bàn Bến Cát để chuẩn bị cho chiến dịch Lê Hồng Phong (chiến dịch Bến Cát).

(*Ngã ba*) Huỳnh Văn Lũy (thuộc khu phố 1, khu phố 3, phường Phú Lợi) mang tên người chiến sĩ cách mạng đã tham gia và giữ nhiều chức vụ quan trọng như Phó Bí thư tại hội nghị cán bộ Đảng toàn tỉnh lần thứ II (1947); Phó Bí thư, kiêm chủ tịch Việt Minh (1948), chủ nhiệm Mặt trận liên minh tỉnh (4/1949), Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh.

(*Căn cứ*) Trương Bông Bông (khu phố 5, phường Định Hòa) là cánh rừng chằng chịt dây bông bông và dây kim cang khiến việc vào ra, đi lại rất khó khăn nên trở thành căn cứ vững chắc của du kích và nhân dân Định Hòa, là nơi dừng chân và bàn đạp tiến công vững chắc của lực lượng cách mạng trong kháng chiến.

(*Bàu*) Cây Trang (bông trang) ghi dấu vị trí của Ban chỉ huy tiền phương chiến dịch Hồ Chí Minh – tỉnh Thủ Dầu Một, từ đây xuất phát các mũi tiến công giải phóng Thủ Dầu Một (Bình Dương).

(*Nhà tù*) Phú Lợi (phường Phú Lợi) do chính quyền Việt Nam Cộng hoà xây dựng vào tháng 7 năm 1957, để giam giữ các chiến sỹ cách mạng và những người yêu nước lúc bấy giờ.

(*Cù lao*) Làng (khu phố 5, phường Tân An) là phần đất nổi cao giữa có đất canh tác và có các rạch xung quanh, về sau người dân đắp bờ bao, rộng khoảng hơn 11.000m<sup>2</sup>. Cù lao từng là nơi trú ẩn của cán bộ cách mạng trong kháng chiến chống Mỹ vì có cây rừng che kín và là nơi tiếp giáp với Cù Chi...

(*Chiến khu*) Thuận An Hoà (nay thuộc phường Thuận Giao, Thuận An) ra đời vào năm 1946, là nơi tổ chức xây dựng, phát triển lực lượng cách mạng trong kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ....

Địa danh mang tên sự kiện và nhân vật lịch sử là công cụ dạy truyền thống yêu nước hiệu quả hơn bất kỳ loại giáo cụ nào, như Heikkila nhận định “đưa lịch sử của địa danh vào lớp học cho phép học sinh tiếp cận những câu chuyện trong quá khứ một cách chân thật nhất” (Karen Ann Heikkila 2007: tr.127).

#### **Dạy “lịch sử xã hội” qua địa danh**

Nội dung sách giáo khoa môn lịch sử bậc phổ thông phần lớn là lịch sử chính trị và lịch sử chiến tranh gần như thiếu vắng lịch sử xã hội sinh động và giàu tính nhân văn. Có thể sử dụng nguồn dữ liệu địa danh để dạy học sinh hiểu được các cộng đồng cư dân Bình Dương đã hình thành và sinh sống ra sao trong quá khứ và hiện tại. Thật vậy, địa danh lưu dấu lịch sử xã hội Bình Dương là quá trình hình thành các cộng đồng tộc người Mạ, Stiêng, Khmer, Chăm, Hoa; đời sống tôn giáo, sinh kế của cộng đồng hay phương tiện vận chuyển.

Cư dân Nam Bộ nói chung và Bình Dương nói riêng có nguồn gốc rất đa dạng, phong phú. Đại diện cho lớp cư dân lâu đời là người Mạ, người Stiêng, tiếp theo sau là người Khmer, người Chăm, người Việt, người Hoa. Từ rất sớm các cộng đồng dân cư nơi đây đã có truyền thống đoàn kết, đùm bọc lẫn nhau, không phân biệt người đến trước, đến sau, không kỳ thị dân tộc. Điều này được thể hiện rất rõ nơi địa danh ghi dấu sự hiện diện của các tộc người khác nhau ở Bình Dương.

Sông Mã Đà là một phụ lưu lớn của sông Bé, có vai trò rất lớn ở vùng Đông Nam Bộ nên được ghi nhận khá sớm trong *Hoàng Việt nhất thống địa dư chí* (đầu thế kỷ XIX) với tên gọi là rạch Mã Tung (Bờm ngựa) (Lê Quang Định, 2003:299) được “đọc trại và viết trại từ “Mã-dà” theo tiếng người Mạ, có nghĩa là suối/sông và được Việt hóa thành Mã Đà (Đình Thanh Huy, Hà Thị Huyền, 2023: 126-127) cho biết nơi này vốn là địa bàn cư trú của người Mạ.

Phú Giáo, Dầu Tiếng, Bàu Bàng từng là địa bàn có đông dân tộc ít người sinh sống nên xuất hiện nhiều địa danh có nguồn gốc từ tiếng Stiêng, Khmer. Chẳng hạn các địa danh: (*suối*) Bó Chôn<sup>4</sup>, (*ấp, bàu, sở*) Cà Na<sup>5</sup>, (*suối*) Đác<sup>6</sup>, (*bàu*) Rương<sup>7</sup>, (*suối*) Ngu<sup>8</sup>, (*bó*) Minh<sup>9</sup>, (*suối*) Sam<sup>10</sup>, Sam Bring<sup>11</sup> ở Phú Giáo; (*bàu*) Cà Thung, Cà Tông<sup>12</sup> ở Bàu Bàng, Dầu Tiếng có nguồn gốc từ tiếng Stiêng.

Địa danh có nguồn gốc từ tiếng Khmer như: (*ấp*) Cẩn Lố<sup>13</sup>, (*bàu*) Chu, (*suối*) Chú<sup>14</sup>, (*rạch*) Ring<sup>15</sup>, (*suối*) Say<sup>16</sup>, Sem<sup>17</sup>, Sa Dụp<sup>18</sup>, Tà Eng<sup>19</sup>, (*xóm*) Tà Này<sup>20</sup>, (*cầu, suối*) Tham Rôn<sup>21</sup>, (*bàu*) Thốt Nốt<sup>22</sup>, (*bàu*) Tru<sup>23</sup>

4. Bù chom/chôn với nghĩa “vùng có nhiều loại hoa thảo tỏa mùi hương thơm hoặc vùng có nhiều ve sầu kêu rả rích vào mùa hè

5. Karnār: loại trái cây có vị chua và chát

6. Dak/daac: nước, sông, suối

7. Rmúl/ rmút: tròng/vàng

8. Ngul: một dòng họ của người Stiêng

9. Mìn: trâu rừng

10. Svam: sông, suối, rạch

11. Svam bri: rạch rừng

12. Ka lōntong: cá lòng tong

13. Tonlé/Canlòh: vùng tiếp giáp với sông, suối, rạch

14. Túk: nước

15. Pring: Rạch có nhiều cây thân gỗ vùng nước ngọt, thân thẳng, quả chín màu đen, ăn được.

16. Rusei: cây tre

17. Sem: Giữ lại, lưu lại, dừng lại, điểm dừng chân

18. Sra Diop: Tên một loại cây thuộc họ dây leo gần giống như loại bí rợ nhưng có mùi hương thơm về đêm

19. Tà Eng: ông Eng

20. Tà Này: Ông Này

21. Xam rông: rạch cây trôm

22. Th’not: tên cây thốt nốt

23. Túk: nước

ở Phú Giáo; (*rạch, bầu, suối*) Gốc<sup>24</sup> ở Bắc Tân Uyên, (*suối, cầu, ấp*) Xà Mách<sup>25</sup> ở Bàu Bàng (Đình Thanh Huy, 2023b).

Hai (*xóm*) Chùa Bà (mặt tiền và các hẻm đường Lê Văn Duyệt, bên hông chùa Bà), *xóm Chùa Ông* (hai hẻm nằm cạnh chùa Ông) ở Lái Thiêu vốn là xóm người Hoa hình thành từ cuối thế kỷ XIX<sup>26</sup>.

(*Xóm*) Làng Chăm thuộc ấp Hòa Lộc, xã Minh Hòa, huyện Dầu Tiếng gồm 130 hộ dân người Chăm, tụ cư trên diện tích khoảng 70ha, hầu hết là lao động tự do, trong đó chủ yếu làm nghề đánh bắt cá trên lòng hồ.

Các địa danh *xóm* gắn với tên tộc người (*xóm làng Chăm*) hay thiết chế văn hoá tiêu biểu của tộc người (*xóm Chùa Bà, Chùa Ông*) hoặc địa danh có nguồn gốc từ tiếng các tộc người thiểu số phản ánh tính đa tộc người ở Bình Dương.

Di cư đến vùng đất hầy con hoang vu, lạ lẫm “*Tới đây xứ sở lạ lùng; Con chim kêu phải sợ, con cá vùng cũng kinh*” ngoài kinh nghiệm sản xuất truyền thống con người luôn tìm kiếm một chỗ dựa tâm linh nên Nam Bộ trong đó có Bình Dương đã trở thành môi sinh thuận lợi để phát triển các tín ngưỡng tôn giáo. Nam Bộ là vùng đất phong phú nhất về tín ngưỡng – tôn giáo ở Việt Nam và điều này cũng được phản ánh rõ nét qua địa danh Bình Dương.

Thiết chế tín ngưỡng ở Bình Dương bao gồm đình – chùa – miếu – võ, đình của xã thôn, miếu và nhà vuông của lân ấp, thờ *nhiên thần và nhân thần*. Trong đó những địa danh mang tên các thiết chế thờ nhiên thần là miếu thờ Cây Da, đình thờ Thần Thành Hoàng, miếu thờ Bà Chúa Xứ, Ngũ Hành Nương Nương, nơi người dân đặt những bếp lò cũ, hư biểu thị sự hiện diện của Ông Táo.

Cây da (cây đa) có sức sống mãnh liệt bất chấp thời tiết, khí hậu, thách đố cả thời gian trở thành biểu tượng của sự trường tồn. Người xưa đã gán cho cây da những đặc tính của thần thánh linh thiêng bí hiểm. Cây da vừa là nơi trú ngụ của thần linh vừa che chở con người, dưới gốc cây da thường có miếu thờ được gọi là miếu Cây Da đi vào địa danh như: (*Khu vực*) Miếu Cây Da nằm trên đường D6, khu dân cư Vinh Tân, khu phố 1, phường Vinh Tân, thị xã Tân Uyên; (*Xóm*) Miếu Cây Da thuộc khu phố Đông Ba, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An vốn là miếu thờ Thần Nông, xưa người dân thường

đến cúng bái cầu xin mưa thuận gió hòa để mùa mang tốt tươi. Xung quanh miếu người dân lập ruộng vườn, nhà cửa sống tập trung tạo thành xóm làng nên gọi là “Xóm Miếu Cây Da” và Miếu Cây Da vẫn thờ Thần Nông dù người dân đã không còn làm nghề nông.

“Tín ngưỡng thờ Thành hoàng làng là loại hình tín ngưỡng khá phổ biến ở làng xã của người Việt” (Trần Đăng Sinh, 2022) theo đó, địa danh liên quan đến thiết chế thờ thần Thành Hoàng chiếm ưu thế, và đôi khi dân gian còn gọi đình là miếu. Chẳng hạn:

Ngã tư gần Miếu Ông Cù (Búng Cù) nên gọi là (*ngã tư*) Miếu Ông Cù thuộc khu phố Bình Phước B, phường Bình Chuẩn, Thành phố Thuận An thật ra là đình thờ Thần Thành hoàng được xây dựng vào thời Minh Mạng nhưng dân gian quen gọi là miếu, nay đã trở thành địa danh rất phổ biến; (*Xóm*) Miếu Ông ra đời từ năm 1923 thuộc khu phố 7, phường Uyên Hưng. Tên xóm được gọi theo Miếu Ông là tên dân gian gọi đình Bình Hóa thờ Thần Thành Hoàng bốn cảnh của làng Bình Hóa.

(*Móng*) Đình thuộc khu phố Hưng Thọ, phường Hưng Định, Thuận An vốn là lùm cây rậm rạp um tùm nơi dân làng cất giấu Sắc Thần phòng khi bị Pháp đốt đình; (*Gò*) Đình thuộc khu phố Phú Hòa, phường Hòa Lợi, thị xã Bến Cát, rộng khoảng 2 ha, trên đỉnh gò có ngôi đình Phú Hòa được xây dựng vào năm 1850. Hiện nay, nơi này vẫn giữ được rừng nguyên sinh, có nhiều cây cổ thụ; (*Bến*) Đình (thuộc ấp Dòng Sỏi, xã An Tây, thị xã Bến Cát) nơi ghe thuyền cập bến để chở đá làm vật liệu xây dựng, gỗ khai thác từ rừng 123 về các tỉnh miền Tây. Vì bến nằm đối diện với đình thần An Tây nên có tên bến Đình. Theo đó còn có (*ngã ba*) Đình.

Bà Chúa Xứ là vị tiên nữ từ trên trời xuống hạ giới, quyền năng của Bà rất lớn, phạm vi cai quản rất rộng, nhiệm vụ của Bà vì vậy cũng đa dạng từ bảo vệ biên cương; bảo hộ và che chở cư dân; ban phát tài lộc, nên tín ngưỡng thờ Bà phổ biến khắp Bình Dương, dân gian thường gọi tắt là miếu Bà, và nhiều trường hợp miếu Bà được chuyển hoá thành danh tự riêng như:

(*Xóm*) Miếu Bà Chúa Xứ là cụm dân cư thuộc khu phố Bình Đức 2, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An đến từ vùng Đồng bằng sông Cửu Long mang theo phong tục thờ Bà Chúa Xứ cùng cộng cư đông đúc tạo thành xóm và lập miếu thờ Bà Chúa Xứ;

24. Prek Kol :suối con

25. X'math: cây tràm

26. Dựa vào niên đại – 1843 (năm Quý Mão) khắc trên bức hoành phi tại Phú Tân hội (miếu thờ Thiên Hậu Thánh Mẫu sớm nhất của người Hoa ở Lái Thiêu - khoảng thập niên 40 của thế kỷ XIX trên các bia mộ tại các nghĩa trang của Hoa ở Lái Thiêu có thể xác định người Hoa đã định cư ở Lái Thiêu trước năm 1843 nên trong *Đại Nam nhất thống chí*, phần viết về huyện Bình An ghi rõ “năm Thiệu Trị thứ 6 (tức vào năm 1846) lại chia tổng Bình Thổ đặt tổng Bình Lâm, nay lãnh 6 tổng, 58 xã, thôn, ấp, 2 bang người Thanh”.

Con hẻm thuộc khu phố 1, phường Hội Nghĩa thị xã Tân Uyên có ngôi miếu thờ Bà Chúa Xứ được xây dựng năm 1979 được dân gọi là (*hẻm*) Miếu Bà; (*Rừng*) Miếu Bà thuộc khu phố Bình Phước B, phường Bình Chuẩn, thành phố Thuận An vốn là khu đất gò cây cối mọc um tùm, gần đó có miếu thờ Bà Ngũ Hành nên dân gian gọi là rừng Miếu Bà.

Xuất xứ địa danh (*chợ*) Miếu ra đời từ thời Pháp thuộc, bắt nguồn từ việc gần chợ có ngôi miếu thờ Bà, nay là khu phố 3, phường An Phú, thành phố Thuận An.

(*Cầu*) *Rạch Miếu* thuộc khu phố Hòa Long và khu phố Phú Hội, phường Vĩnh Phú bắc qua rạch Cầu Mống, gần một ngôi miếu nhỏ nên gọi là (*cầu*) Rạch Miếu.

(*Xóm*) Miếu Bà Cây Trắc thuộc khu phố Khánh Lộc, phường Khánh Bình, thị xã Tân Uyên là nơi có miếu thờ Ngũ Hành Nương Nương (Kim, mộc, Thủy, Hỏa, Thổ) và gần miếu có cây trắc.

Nhà vương ngoài chức năng là trạm thông tin, điểm canh, nơi họp dân, một thứ “công sở” của ấp còn là nơi làm lễ cầu an trong xóm, tổng tiền thân ôn hoàng dịch lệ vào đầu mùa viêm nhiệt và địa danh mang tên nhà vương ghi nhận thiết chế này: (*khu vực*) Nhà Vương là một xóm nhỏ thuộc khu phố 3, phường Tân Định, thị xã Bến Cát.

*Cua Ông Táo* (khu phố Thạnh Quý, phường An Thạnh, Thuận An) là nơi người dân bỏ lại những bếp lò bằng đất cũ vào dịp cúng ông Táo ngày 23 tháng Chạp, lâu dần thành địa danh, vô hình trung phản ánh tục thờ ông Táo của người dân địa phương nơi đây.

Đến vùng đất mới nhu cầu về tinh thần là bức bách và chính đáng nên lưu dân đi đến đâu có xóm làng cư trú là có chùa để cầu an và cầu siêu. Điều này được lưu lại qua những địa danh:

(*Cầu*) chùa Phật Ấn thuộc khu phố 9, phường Chánh Phú Hòa, thị xã Bến Cát nằm trong quần thể kiến trúc của chùa nên được gọi theo tên Chùa. Cầu được xây dựng năm 2019 bắc qua suối Ông Lốc để tín hữu và người dân thuận tiện đến viếng chùa; (*Xóm*) Chùa Tổ, một xóm nhỏ được đặt theo tên ngôi chùa nơi đây (Chùa Tổ Long Hưng), thuộc khu phố 4, phường Tân Định, thị xã Bến Cát; (*Xóm*) Chùa là cụm dân cư gần chùa Quan Âm thuộc ấp Tân Mỹ, phường Thái Hòa, thị xã Tân Uyên; (*Cua*) Chùa nằm ngay cổng chùa Bà Thao (Hưng Long Tự) trên đường DT747 thuộc khu phố Dư Khánh, phường Thạnh Phước, Thị xã Tân Uyên; (*Dốc*) Chùa là con dốc dẫn lên chùa Khánh Sơn thuộc ấp Nhựt Thạnh, xã Thạnh

Hội, Thị xã Tân Uyên; (*Rạch*) Cầu Mống Chùa thuộc khu phố Hòa Long, phường Vĩnh Phú chảy qua cầu mống nên dân gian gọi là rạch Cầu Mống Chùa.

Bình Dương vốn là “chiếc nôi truyền giáo của giáo phận Đà Nẵng” (Giáo phận Phú Cường, 2018) (được thành lập 1659) nên có nhiều tên xóm, hẻm, đường, ngã tư... liên quan đến Công giáo, chẳng hạn:

(*Xóm*) Nhà Thờ đã hình thành cùng với sự đời của nhà thờ Lái Thiêu (1897) là nơi tập trung những người Công giáo toàn tông. Theo đó còn có (*rạch, ngã ba*) Nhà Thờ thuộc khu phố Bình Đức 2, phường Lái Thiêu, thành phố Thuận An; (*Xóm*) Đạo thuộc ấp 3, xã Trừ Văn Thố, huyện Bàu Bàng được hình thành vào những năm 1960 gồm những người Công giáo di cư từ miền Trung. Sau năm 1963, phần lớn những người nơi bỏ đi nơi khác định cư, xóm này không còn nhưng địa danh (*xóm*) Đạo vẫn phổ biến trong địa phương; (*Hẻm*) Giáo Xứ là con hẻm đi vào nhà thờ giáo xứ Hội Nghĩa, thuộc khu phố 3, phường Hội Nghĩa, thị xã Tân Uyên; (*Ngã Tư*) Đất Thánh<sup>27</sup> thuộc khu phố Hưng Lộc, phường Hưng Định, thành phố Thuận An, là nghĩa trang của giáo dân họ Đạo Búng, được hình thành từ nửa đầu thế kỷ XIX.

Sự hiện diện của Đạo Cao Đài được ghi dấu qua địa danh (*rạch*) *Chiếu Đàn* (khu phố Long Thới, phường Lái Thiêu) bắt nguồn từ sông Sài Gòn, chảy qua khu vực có Thánh tịnh Ngọc Chiếu Đàn, cơ sở thờ tự của Cao Đài Tiên thiên.

Địa danh lưu lại những xóm, làng cư dân đầu tiên của Bình Dương được gọi theo đặc điểm của địa phương, theo nghề nghiệp, chẳng hạn:

(*Xóm*) Gò Ông Độ (khu phố 5, phường Định Hòa) là hình thức gọi theo đặc điểm địa hình, khu vực này có mặt đê gồ lên ở giữa xóm, gần nhà người đàn ông tên Độ.

Tương tự, (*Xóm*) *Bến Chùa* thuộc khu phố Chánh Lộc 7, phường Chánh Mỹ vốn là xóm cư dân đầu tiên đến khai phá vùng đất này, tập trung thành từng cụm gần Bến Chùa nên gọi là xóm Bến Chùa.

(*Xóm*) Bàu Cá (phường Hòa Phú) người dân sống bằng nghề nông tập trung nơi có bàu nước trũng, sâu và có nhiều cá nên gọi là xóm Bàu Cá.

Phổ biến nhất vẫn là cách gọi xóm theo nghề nghiệp của cư dân trong xóm, chẳng hạn:

(*Xóm*) Lò Chén (thuộc khu phố 3, khu phố 4, khu phố 5, khu phố 7, phường Chánh Nghĩa) là nơi người Hoa (từ huyện An Khê, phủ Tuyên Châu, tỉnh Phúc Kiến, Trung Quốc) đến sống tập trung từ thời nhà

27. ngã 4 của đường Quốc lộ 13 (Đại Lộ Bình Dương) và đường 22 tháng 12

Nguyễn, sống bằng nghề gổm mang từ quê hương nên người dân trong vùng gọi khu vực này là xóm Lò Chén.

(*Xóm*) Ươm (khu phố 5, phường Định Hòa) tương truyền là nơi tập trung những người trồng dâu, ươm tơ, dệt lụa. Lụa ở đây được nhiều người ưa chuộng.

(*Ngã ba*) Cá Hấp (khu phố 10, phường Phú Cường) điểm giao nhau giữa đường Văn Công Khai và đường Bàu Bàng. Theo lời kể của các cụ cao niên ở đây, vào thời thuộc Pháp có gia đình ông Tu Ní (Người Hoa) thường đi mua cá biển ở Ninh Thuận, Bình Thuận về hấp và mang ra ngã ba này bán cho mối lái từ các chợ trong vùng. Sau năm 1975, nghề làm cá hấp ở đây không còn nhưng địa danh này vẫn được người dân biết đến.

(*Xóm*) Xoài (phường Phú Lợi) trước năm 1975 là nơi trồng lúa, hoa màu, các loại cây họ đậu được người dân thường gọi là Gò Dưới. Sau 1975, gia đình ông Trần Văn Yên (sinh năm 1949) lập vườn trồng cây Xoài rộng khoảng 1 ha, dần dần người dân đến sinh sống ở đây ngày càng đông tụ trung thành xóm nên gọi là (*xóm*) Xoài.

(*Xóm*) Lò Rèn (khu phố 6, phường Tương Bình Hiệp, nằm trong một hẻm nhánh của đường Hồ Văn Cống). Thời Pháp thuộc trong xóm có gia đình ông Trương Văn Dấu mở lò rèn gia công các loại nông cụ và vật dụng hàng ngày: liềm, cuốc, xẻng, dao, kéo... phục vụ nhu cầu của toàn bộ bà con trong làng Tương Bình Hiệp và các làng xung quanh nên được gọi là xóm Lò Rèn.

Địa danh còn cung cấp thông tin về nếp sinh hoạt hàng ngày, đời sống kinh tế, nét văn hoá của cư dân Bình Dương xưa và nay.

Dấu ấn của một thời cư dân nơi đây vận chuyển hàng hoá bằng đường thủy là địa danh bến: (*bến*) Chùa, (*bến*) Than (phường Chánh Mỹ); (*bến*) Mù U... (*bến*) Chén (phường Chánh Nghĩa) xưa thuộc thôn Phú Cường, lỵ sở của Huyện Bình An, Triều Nguyễn là nơi tập kết đồ gổm từ các lò về đây để vận chuyển lên các ghe thuyền lớn đem đi trao đổi mua bán ở các địa phương khác trong vùng.

Bến còn là nơi người dân xuống lấy nước sinh hoạt, giặt giũ, tắm sạch bùn sau khi làm đồng về như:

(*bến*) Mít (phường Hòa Phú), ngay cạnh bến có cây Mít nên lâu ngày người dân địa phương gọi là bến Mít.

(*Bến*) Nghệ (khu phố 2, phường Hòa Phú) là nơi người dân tập trung buôn bán rau, củ, quả nhiều nhất là nghệ nên được gọi là bến Nghệ.

(*Rạch*) Bến Trai (phường Tân An) từng là nơi tập trung nhiều trại cửa cây, xẻ gỗ dùng để đóng các loại ghe chở mía, lúa... và cũng là nơi vận chuyển lúa, cây gỗ, mía (đến các lò ép mía nấu đường).

Văn hoá làng xã còn được ghi dấu qua địa danh: (*ngã tư*) Dỏ Cái ghi dấu nếp sinh hoạt nhà vuông.

Từ thời Pháp thuộc, một bộ phận dân cư tách khỏi nghề nông hoặc thời gian nông nhàn làm nghề buôn bán, nhiều chợ đã ra đời, theo đó tên chợ cũng trở thành địa danh. Tìm hiểu địa danh chợ học sinh sẽ phân biệt được khu thành thị và nông thôn ở Bình Dương. Bởi địa danh “chợ” chỉ xuất hiện ở những khu trung tâm như Lái Thiêu, Bình Nhâm, Búng, Thủ Dầu Một, An Phú như (*chợ*) Thủ Dầu Một, (*chợ*) Lái Thiêu, (*chợ*) Bình Nhâm, (*chợ*) Búng, (*chợ*) An Cơ, (*chợ*) Đông Đô, (*chợ*) Ký Vĩnh, (*chợ*) Miếu, (*Chợ*) Phú An, (*chợ*) Tổng Đơn, (*chợ*) Tuy An, (*chợ*) Thành Nam, (*chợ*) Thông Dụng, (*Chợ*) Đông An (*chợ*) Dầu Tiếng, (*chợ*) Trị Tâm. Trong khi những vùng xa trung tâm như Dầu Tiếng (trừ thị trấn Dầu Tiếng), Phú Giáo thiếu vắng địa danh chợ.

### TẠM KẾT

Nguồn gốc và ý nghĩa của địa danh là nguồn sử liệu chân thật và sinh động nên được sử dụng trong giảng dạy lịch sử địa phương. Địa danh chiếm một vị trí quan trọng trong việc hình thành bản sắc Bình Dương, giúp gợi nhớ về con người và sự kiện trong quá khứ, đồng thời là dấu ấn của sự hiện diện liên tục nơi cư dân qua các thời kỳ. Trong bối cảnh chưa có nhiều nguồn tư liệu để biên soạn và giảng dạy lịch sử địa phương Bình Dương, địa danh là nguồn dữ liệu quan trọng không thể bỏ qua. Dạy về quá trình lịch sử Bình Dương bằng cách tìm hiểu địa danh qua các thời kỳ giúp học sinh dễ hiểu, dễ nhớ. Hơn nữa, địa danh còn cung cấp bức tranh sống động về đời sống xã hội của cộng đồng cư dân ở mọi khía cạnh từ vật chất đến tinh thần./.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Cao Chư (2017), *Câu chuyện địa danh học và địa danh dân gian Việt Nam: Tìm hiểu, giới thiệu*, Hội Nhà Văn, Hà Nội.
- Đinh Thanh Huy – Hà Thị Huyền (2023), “Phân tích, đánh giá các địa danh là từ mượn và biến đổi từ các ngôn ngữ khác trên địa bàn tỉnh Bình Dương” trong Kỷ yếu hội thảo *Địa danh trên địa bàn tỉnh Bình Dương: đặc điểm, ý nghĩa và giá trị*, Hội Khoa học lịch sử tỉnh Bình Dương.

- Đinh Thanh Huy (2023a), “Phân tích, đánh giá các địa danh trên địa bàn tỉnh Bình Dương hình thành và thay đổi dưới thời chính quyền Việt Nam Cộng hòa”, trong Huỳnh Ngọc Đáng, *Địa danh tỉnh Bình Dương*, Đề tài cấp tỉnh.
- Đinh Thanh Huy (2023b), “Khảo sát, thống kê, phân tích nguồn gốc, ý nghĩa, nội dung các địa danh trên địa bàn xã Tân Long, huyện Phú Giáo, trong Huỳnh Ngọc Đáng, *Địa danh tỉnh Bình Dương*, Đề tài cấp tỉnh.
- Giáo phận Phú Cường (2018), *Đôi nét tiểu sử giáo phận Phú Cường*. [Http://www.giaoxugiaohovietnam.com](http://www.giaoxugiaohovietnam.com), Truy cập ngày 10/6/2023.
- Karen Ann Heikkila (2007), *Teaching Through Toponymy: Using Indigenous Place-Names In Outdoor Science Camps*, Thesis for the Degree of Master of Arts in Natural Resources and Environmental Studies (Geography), University of British Columbia.
- Lê Quang Định (2003), Phan Đăng dịch, chú và giới thiệu, *Hoàng Việt nhất thống chí địa dư chí*, Nxb. Thuận Hóa, Đà Nẵng.
- Lê Trung Hoa (2011), *Địa danh học Việt Nam*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- Nguyễn Thị Lan (2023), “Phân tích, đánh giá của các địa danh trên địa bàn tỉnh Bình Dương hình thành và thay đổi thời kỳ từ sau năm 1975 đến nay” trong Huỳnh Ngọc Đáng, *Địa danh tỉnh Bình Dương*, Đề tài cấp tỉnh.
- Ricky Prebble (2023), *Place names: survey pegs of the past*, <https://nzhistory.govt.nz>, Truy cập ngày 17/12/2023.
- Roasting, Ch (1965), *Les noms de lieux*, P.U.F, Paris.
- Trần Đức Thuận (2023), “Khảo sát, phân loại, phân tích, đánh giá các địa danh hành chính trên địa bàn tỉnh Bình Dương qua các thời kỳ lịch sử”, trong Huỳnh Ngọc Đáng, *Địa danh tỉnh Bình Dương*, Đề tài cấp tỉnh.
- Trần Đức Thuận (2023), “Phân tích, đánh giá các địa danh trên địa bàn tỉnh Bình Dương hình thành và thay đổi trong thời kỳ Pháp thuộc”, trong Huỳnh Ngọc Đáng, *Địa danh tỉnh Bình Dương*, Đề tài cấp tỉnh.
- Văn Thị Thuỳ Trang (2023), “Khảo sát, thống kê, phân tích nguồn gốc, ý nghĩa, nội dung các địa danh trên địa bàn phường Phú Thọ, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương”, trong Huỳnh Ngọc Đáng, *Địa danh tỉnh Bình Dương*, Đề tài cấp tỉnh.